

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TNMT
Về việc công bố công khai Điều chỉnh,
bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm
2021 huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Thanh Thủy, ngày tháng 11 năm 2021

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị: Công an huyện; Ban chỉ huy quân sự huyện; Trung tâm y tế huyện; Điện lực Thanh Thủy; Bưu điện huyện; Viễn thông Thanh Thủy; Hạt kiểm lâm huyện;
- Các phòng, ngành: Giáo dục, Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp và PTNT; Văn hóa và Thông tin; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính - Kế hoạch; Y tế; Thanh tra Nhà nước huyện; BQL dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện; Đài truyền Thanh - Truyền hình huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 3047/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ Về việc Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (lần 3).

UBND huyện công bố, công khai bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Thủy đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt gồm các nội dung cụ thể như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp là 8.557,15 ha, giảm 3,52 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 938,22ha, giảm 0,36ha.

+ Điều chỉnh diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 461,25ha, giảm 3,16ha.

- Điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp là 3.843,06 ha, tăng 3,52ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt, cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất thương mại, dịch vụ là 254,59ha, tăng 3,54ha.

+ Điều chỉnh diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 1.153,44ha, giảm 0,02ha.

Các chỉ tiêu diện tích khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thanh Thủy đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Biểu chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích theo Kế hoạch SDD được duyệt (ha)	Diện tích Điều chỉnh Kế hoạch SDD (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		12.568,06	12.568,06	
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.560,67	8.557,15	-3,52
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.434,15	2.434,15	
	<i>Tr. đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.052,34</i>	<i>1.052,34</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	938,58	938,22	-0,36
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.827,29	1.827,29	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	507,46	507,46	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.332,63	2.332,63	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	464,41	461,25	-3,16
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	56,14	56,14	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.839,54	3.843,06	3,52
2.1	Đất quốc phòng	CQP	4,12	4,12	
2.2	Đất an ninh	CAN	4,52	4,52	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	13,06	13,06	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	31,66	31,66	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	251,05	254,59	3,54
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	69,51	69,51	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	166,36	166,36	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	33,72	33,72	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.153,46	1.153,44	-0,02
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>799,89</i>	<i>799,87</i>	<i>-0,02</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>167,61</i>	<i>167,61</i>	
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>12,05</i>	<i>12,05</i>	
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,72</i>	<i>5,72</i>	
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>36,99</i>	<i>36,99</i>	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích theo Kế hoạch SDD được duyệt (ha)	Diện tích Điều chỉnh Kế hoạch SDD (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	19,62	19,62	
	Đất công trình năng lượng	DNL	8,19	8,19	
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,27	1,27	
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	4,10	4,10	
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,81	2,81	
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	8,66	8,66	
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	65,07	65,07	
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	10,00	10,00	
	Đất chợ	DCH	6,59	6,59	
	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	4,91	4,91	
	Đất công trình công cộng khác	DCK			
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,78	0,78	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	808,28	808,28	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	79,49	79,49	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,46	9,46	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,02	0,02	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	9,93	9,93	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	999,06	999,06	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	205,06	205,06	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
3	Đất chưa sử dụng	CSD	167,85	167,85	

2. Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Thủy

Tổng số có 02 dự án điều chỉnh, bổ sung mới trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Thủy.

(Chi tiết có biểu kèm theo).

3. Tổ chức thực hiện

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Đôn đốc, giám sát, kiểm tra UBND các xã, thị trấn, các cơ quan trong việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất và các công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn huyện.

- Tham mưu UBND huyện thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quyết định đúng kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không thực hiện.

- Định kỳ cuối năm tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện, báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định.

+ UBND các xã, thị trấn:

- Căn cứ các chỉ tiêu, danh mục các công trình, dự án được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn công bố, công khai đến toàn thể nhân dân và tại trụ sở UBND xã, thị trấn, hội trường khu dân cư để nhân dân biết, thực hiện; có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục người dân nâng cao ý thức quản lý, sử dụng đất đúng mục đích, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất và ngăn chặn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Tổ chức thực hiện bổ sung kế hoạch sử dụng đất phải gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái, có giải pháp cụ thể để huy động vốn và các nguồn lực khác để thực hiện kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ cần bảo vệ nghiêm ngặt; việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả.

- Cuối năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cấp xã về UBND huyện (qua phòng Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

+ Đối với các phòng, ngành:

Căn cứ danh mục các công trình, dự án thực hiện điều chỉnh, bổ sung trong năm 2021 đã được phê duyệt theo biểu danh mục công trình, dự án kèm theo Quyết định số 3047/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ, chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, huyện triển khai ngay, lập các thủ

tục thông báo thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích, giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện Thanh Thủy chịu trách nhiệm đăng văn bản công bố, công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Thủy và toàn bộ Quyết định số 3047/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ lên Trang thông tin điện tử của huyện Thanh Thủy.

UBND huyện công bố, công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Thủy để các xã, thị trấn, các phòng, ngành, cơ quan đơn vị liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Sở TN&MT;
- TTHU, TTHĐND;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- CVP, PCVP;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dương Quốc Lâm

Biểu danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (lần 3)

(Kèm theo Văn bản số: /UBND-TNMT ngày /11/2021 của UBND huyện Thanh Thủy)

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Lấy vào các loại đất														Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUC	LUK	HNK	CLN	NTS	RSX	RPH	TMD	ONT	ODT	DGD	BCS	DGT	DTL			
Dự án bổ sung KHSD đất năm 2021 (02 dự án)		3,54	-	-	0,36	-	3,16	-	-	-	-	-	-	-	0,02	-			
I	Đất thương mại dịch vụ	3,54	-	-	0,36	-	3,16	-	-	-	-	-	-	-	0,02	-			
1	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất Thương mại dịch vụ	0,38	-	-	0,36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,02	-	Khu 3, thị trấn Thanh Thủy	Văn bản số 4405/UBND-KTN ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ V/v thực hiện các thủ tục để đấu giá quyền sử dụng đất thương mại dịch vụ	
2	Chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản sang đất thương mại dịch vụ của Công ty cổ phần Đầu tư Thăng Long Phú Thọ	3,16	-	-	-	-	3,16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy	Quyết định số 3747/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND huyện Thanh Thủy về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	